

CHÍNH PHỦ
Số: 78/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

***Về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao,
Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển
giao***

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 32/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Xây dựng số 11/2002/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định lĩnh vực, điều kiện, trình tự, thủ tục và ưu đãi đối với các dự án đầu tư phát triển công trình kết cấu hạ tầng thực hiện theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.
- Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện các hình thức hợp đồng tương tự khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là Hợp đồng BOT) là Hợp đồng được ký giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, Nhà đầu tư chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt Nam.
2. Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (sau đây gọi tắt là Hợp đồng BTO) là hợp đồng được ký giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, Nhà đầu tư chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt Nam; Chính phủ dành cho Nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận.
3. Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là Hợp đồng BT) là Hợp đồng được ký giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, Nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam; Chính phủ tạo điều kiện cho Nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hoặc thanh toán cho Nhà đầu tư theo thỏa thuận trong Hợp đồng BT.
4. "Hợp đồng Dự án" là Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO hoặc Hợp đồng BT.
5. "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng Dự án" (sau đây gọi chung là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc các cơ quan trực thuộc của các cơ quan này được ủy quyền ký kết Hợp đồng Dự án.
6. "Nhà đầu tư" là tổ chức, cá nhân đầu tư vốn thực hiện Dự án, bao gồm:
 - a) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp năm 2005;
 - b) Hộ kinh doanh, cá nhân;

- c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã;
- d) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- đ) Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập trước khi Luật Doanh nghiệp năm 2005 có hiệu lực thi hành;
- e) Tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam.

7. "Dự án" là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để đầu tư xây dựng, vận hành công trình kết cấu hạ tầng mới hoặc cải tạo, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, quản lý các công trình hiện có theo hình thức Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO và Hợp đồng BT quy định tại Nghị định này.

8. "Công trình kết cấu hạ tầng" là các công trình được khuyến khích thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

9. "Dự án khác" là dự án do Nhà đầu tư thực hiện để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận, được tiến hành đồng thời hoặc sau khi hoàn thành công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều này. Dự án khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và được hưởng ưu đãi theo quy định của Nghị định này hoặc theo thỏa thuận trong Hợp đồng Dự án.

10. "Doanh nghiệp BOT", "Doanh nghiệp BTO", "Doanh nghiệp BT" (sau đây gọi chung là Doanh nghiệp Dự án) là doanh nghiệp do Nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để tổ chức quản lý kinh doanh Dự án. Doanh nghiệp BOT, Doanh nghiệp BTO có thể trực tiếp quản lý, kinh doanh công trình Dự án hoặc thuê tổ chức quản lý, với điều kiện Doanh nghiệp chịu toàn bộ trách nhiệm của tổ chức quản lý.

Điều 3. Lĩnh vực thực hiện Dự án

1. Chính phủ khuyến khích thực hiện các dự án xây dựng, vận hành công trình kết cấu hạ tầng mới hoặc cải tạo, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, quản lý các công trình sau đây:

- a) Đường bộ, cầu, hầm và các công trình, tiện ích có liên quan;
- b) Đường sắt, đường xe điện;

- c) Cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, bến phà;
 - d) Nhà máy cung cấp nước, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải;
 - đ) Nhà máy điện, đường dây tải điện;
 - e) Các công trình kết cấu hạ tầng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
2. Chính phủ bảo hộ quyền sở hữu và các quyền lợi hợp pháp khác của Nhà đầu tư thực hiện Dự án theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.
3. Nhà đầu tư, Doanh nghiệp Dự án được quyền thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận theo thỏa thuận trong Hợp đồng Dự án.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện Dự án

1. Nhà đầu tư hoặc Doanh nghiệp Dự án, theo thỏa thuận trong Hợp đồng Dự án, phải tự thu xếp các nguồn vốn để thực hiện Dự án, Chính phủ khuyến khích các Nhà đầu tư có năng lực tài chính, kỹ thuật và quản lý cùng huy động vốn để thực hiện Dự án.
2. Vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư để thực hiện Dự án được huy động theo tiến độ thỏa thuận trong Hợp đồng Dự án và phải đạt tỷ lệ tối thiểu sau:
- a) Đối với Dự án có tổng vốn đầu tư dưới 75 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư không được thấp hơn 30% tổng vốn đầu tư của Dự án.
 - b) Đối với Dự án có tổng vốn đầu tư từ 75 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư không được thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư của Dự án;
 - c) Đối với Dự án có tổng vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên, vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư không được thấp hơn 10% tổng vốn đầu tư của Dự án;
3. Nhà đầu tư hoặc Doanh nghiệp Dự án, theo thỏa thuận trong Hợp đồng Dự án, có nghĩa vụ huy động vốn đầu tư để thực hiện Dự án theo đúng tiến độ đã cam kết tại Hợp đồng Dự án và chịu mọi trách nhiệm liên quan đến việc thay đổi tổng vốn đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng và các trường hợp khác theo quy định tại Hợp đồng Dự án.

Điều 5. Sử dụng vốn Nhà nước để tham gia góp vốn hoặc hỗ trợ thực hiện Dự án.

1. Tùy từng trường hợp cụ thể, nguồn vốn Nhà nước có thể được sử dụng để tham gia hoặc hỗ trợ thực hiện Dự án theo các hình thức sau:

- a) Doanh nghiệp Nhà nước tham gia góp vốn để thực hiện Dự án với tỷ lệ không quá 49% vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.
- b) Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xây dựng công trình phụ trợ hoặc tổ chức đền bù, giải phóng mặt bằng nhằm hỗ trợ thực hiện Dự án. Phần vốn hỗ trợ này không được tính vào các nguồn vốn thực hiện Dự án theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Việc sử dụng vốn Nhà nước để hỗ trợ Dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện theo một dự án riêng, độc lập với Dự án BOT, Dự án BTO, Dự án BT và phải phù hợp với quy định về quản lý đầu tư sử dụng vốn Nhà nước.

3. Việc sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước phục vụ cho các hoạt động thuộc trách nhiệm của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các nghĩa vụ khác quy định tại Hợp đồng Dự án thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Nhóm công tác liên ngành

1. Tùy thuộc vào nhu cầu đàm phán, thực hiện Dự án, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập Nhóm công tác liên ngành về dự án BOT, dự án BTO, dự án BT (sau đây gọi là Nhóm công tác liên ngành), gồm:

- a) Đại diện lãnh đạo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm Trưởng Nhóm;
- b) Đại diện các cơ quan ở trung ương và địa phương nơi Dự án dự kiến thực hiện hoặc có liên quan đến Dự án.
- c) Một số chuyên gia pháp luật, kỹ thuật, tài chính độc lập khác theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhóm công tác liên ngành có nhiệm vụ:

- a) Xem xét tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư đàm phán Hợp đồng Dự án theo quy định tại các Điều 10, 11 và 12 Nghị định này;
- b) Hỗ trợ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đàm phán Hợp đồng Dự án và thực hiện nhiệm vụ quy định tại Nghị định này;
- c) Tham gia giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án;
- d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.